

Số: 173/QĐ-ĐHCN

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành bộ chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ
ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, mã ngành 8220204

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 945/QĐ-TTg ngày 04/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4811/QĐ-BCT ngày 29/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Thông tư 09/2017/TT-BGDĐT ngày 04/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

Nghị quyết số 13/NQ-HĐT ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội về việc ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐT ngày 02/12/2021 của Chủ tịch Hội đồng trường V/v mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 508/QĐ-ĐHCN ngày 16/5/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo; đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1224/QĐ-ĐHCN ngày 31/12/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội Ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức thực hiện, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Biên bản của Hội đồng thẩm định đề án mở ngành Ngôn ngữ Trung Quốc trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Biên bản thông qua đề án mở ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, đào tạo trình độ thạc sĩ của Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường Đại học Công nghiệp Hà Nội họp ngày 11/02/2022;

Xét đề nghị của Ông Giám đốc Trung tâm đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bộ chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, mã ngành 8220204.

Điều 2. Việc tuyển sinh, đào tạo được thực hiện theo Quy định hiện hành của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội sau khi đề án mở ngành được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông (Bà) Giám đốc Trung tâm Đào tạo Sau đại học, Hiệu trưởng trường Ngoại ngữ - Du lịch, Trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, SĐH.



PGS.TS. Trần Đức Quý

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

NGÀNH: NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC

Mã số: 8220204

Hà Nội, 3 - 2022

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 173 /QĐ-ĐHCN ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội v/v Ban Hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, mã ngành 8220204)

Tên chương trình (Tiếng Việt)	: Thạc sĩ Ngôn ngữ Trung Quốc
Tên chương trình (Tiếng Anh)	: Chinese Linguistics
Tên ngành	: Ngôn ngữ Trung Quốc
Mã ngành đào tạo	: 8220204
Trình độ đào tạo	: Thạc sĩ
Thời gian đào tạo	: 1,5 năm
Bằng tốt nghiệp	: Thạc sĩ
Loại hình đào tạo	: Chính quy
Định hướng đào tạo	: Ứng dụng
Đơn vị giảng dạy	: Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
Đơn vị cấp bằng	: Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
Đơn vị quản lý chương trình	: Trường Ngoại ngữ - Du lịch

1. Mục tiêu đào tạo (PEO)

- Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành ngôn ngữ Trung Quốc được xây dựng theo định hướng ứng dụng, nhằm đào tạo người học có kiến thức thực tế, lý thuyết và ứng dụng chuyên môn sâu rộng, tiên tiến về ngôn ngữ học Trung Quốc và các kiến thức khoa học liên ngành; am hiểu về ngôn ngữ và văn hóa các nước nói tiếng Trung Quốc, đồng thời vận dụng sáng tạo các kiến thức được học vào công việc chuyên môn và nghiên cứu thuộc lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc một cách hiệu quả; có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, có khả năng phát triển sự nghiệp và liên tục cải thiện chuyên môn.

-Mục tiêu cụ thể:

***Kiến thức:**

PEO 1: Nắm vững kiến thức chuyên sâu và các học thuyết cơ bản về ngôn ngữ học Trung Quốc.

PEO 2: Nắm vững kiến thức thực tế về dịch thuật nâng cao; thiết kế, phát triển các khoá học tiếng Trung Quốc và kiến thức chung về quản lý trong lĩnh vực ngôn ngữ tiếng Trung Quốc;

***Kỹ năng:**

PEO 3: Có kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý; kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề chuyên môn; và kỹ năng truyền đạt tri thức liên quan đến ngành ngôn ngữ Trung Quốc một cách khoa học;

PEO 4: Có kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong các hoạt động chuyên môn ngành ngôn ngữ Trung Quốc

***Mức tự chủ và trách nhiệm:**

PEO 5: Có phẩm chất chính trị, đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng thích nghi với môi trường làm việc, khả năng tự nghiên cứu và đưa ra những kết luận, sáng kiến liên quan đến lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (SO)

Mã SO	Nội dung chuẩn đầu ra	PEO 1	PEO 2	PEO 3	PEO 4	PEO 5
SO1	Vận dụng kiến thức vào công tác chuyên môn và nghiên cứu thuộc lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc	X				
SO2	Vận dụng kiến thức về nghiên cứu khoa học, kiến thức chung về quản trị, quản lý, kiến thức về dịch thuật, kiến thức về thiết kế và phát triển các khóa học giảng dạy tiếng Trung Quốc vào công tác chuyên môn và nghiên cứu		X			
SO3	Tổ chức, quản trị, quản lý chuyên môn và nghiên cứu khoa học; phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề chuyên môn; truyền đạt tri thức liên quan đến ngành ngôn ngữ Trung Quốc một cách khoa học.			X		
SO4	Nghiên cứu phát triển và sử dụng công nghệ một cách sáng tạo trong các hoạt động chuyên môn và sử dụng tiếng Trung Quốc thành thạo				X	
SO5	Thể hiện sự thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác; chủ động đưa ra những sáng kiến quan trọng và những kết luận mang tính chuyên gia, đánh giá và cải tiến chất lượng công việc chuyên môn					X

3. Tiêu chí đánh giá (PI)

Mã SO	Mã PI	Nội dung tiêu chí đánh giá
	<i>Kiến thức</i>	
SO 1	PI 1.1	Vận dụng kiến thức lí luận vào giải quyết vấn đề trong công việc chuyên môn và nghiên cứu thuộc lĩnh vực ngôn ngữ.
	PI 1.2	Vận dụng kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ học để phân tích và lý giải những hiện tượng ngôn ngữ học cụ thể.
	PI 1.3	Vận dụng kiến thức về ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc vào nghiên cứu chuyên sâu và lý giải các hiện tượng sử dụng ngôn ngữ trong thực tế.
	PI 1.4	Vận dụng kiến thức về văn học, giao tiếp liên văn hoá trong thực tế và trong nghiên cứu các hiện tượng ngôn ngữ cụ thể.
SO 2	PI 2.1	Vận dụng kiến thức về nghiên cứu khoa học để quản trị, quản lý, thực hiện nghiên cứu và báo cáo khoa học trong lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc.
	PI 2.2	Vận dụng kiến thức về lí luận dịch thuật nâng cao vào công việc phiên dịch, biên dịch và nghiên cứu dịch thuật.
	PI 2.3	Vận dụng kiến thức về xu hướng, chiến lược, phương pháp và kỹ thuật dạy học và kiểm tra đánh giá vào công tác giảng dạy tiếng Trung Quốc.
SO 3	PI 3.1	Xác định vấn đề cần nghiên cứu; lập kế hoạch quản lý; phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu thông tin để đưa ra các đề xuất và thực hiện báo cáo khoa học trong lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc.
	PI 3.2	Thiết kế và phát triển chương trình giảng dạy tiếng Trung Quốc
SO 4	PI 4.1	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chuyên môn.
	PI 4.2	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc.

SO 5	PI 5.1	Thể hiện sự thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác
	PI 5.2	Thể hiện sự thích nghi, năng lực tự cải tiến chất lượng chuyên môn.

4. Chuẩn đầu vào của Chương trình đào tạo

Người phải tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương

Hiệu trưởng quyết định những trường hợp phải hoàn thành yêu cầu học bổ sung trước khi dự tuyển dựa trên đề xuất của đơn vị đào tạo.

Bảng 1. Danh mục các ngành đúng, ngành phù hợp

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204
2	Sư phạm tiếng Trung Quốc	7140234
3	Trung Quốc học	7310612

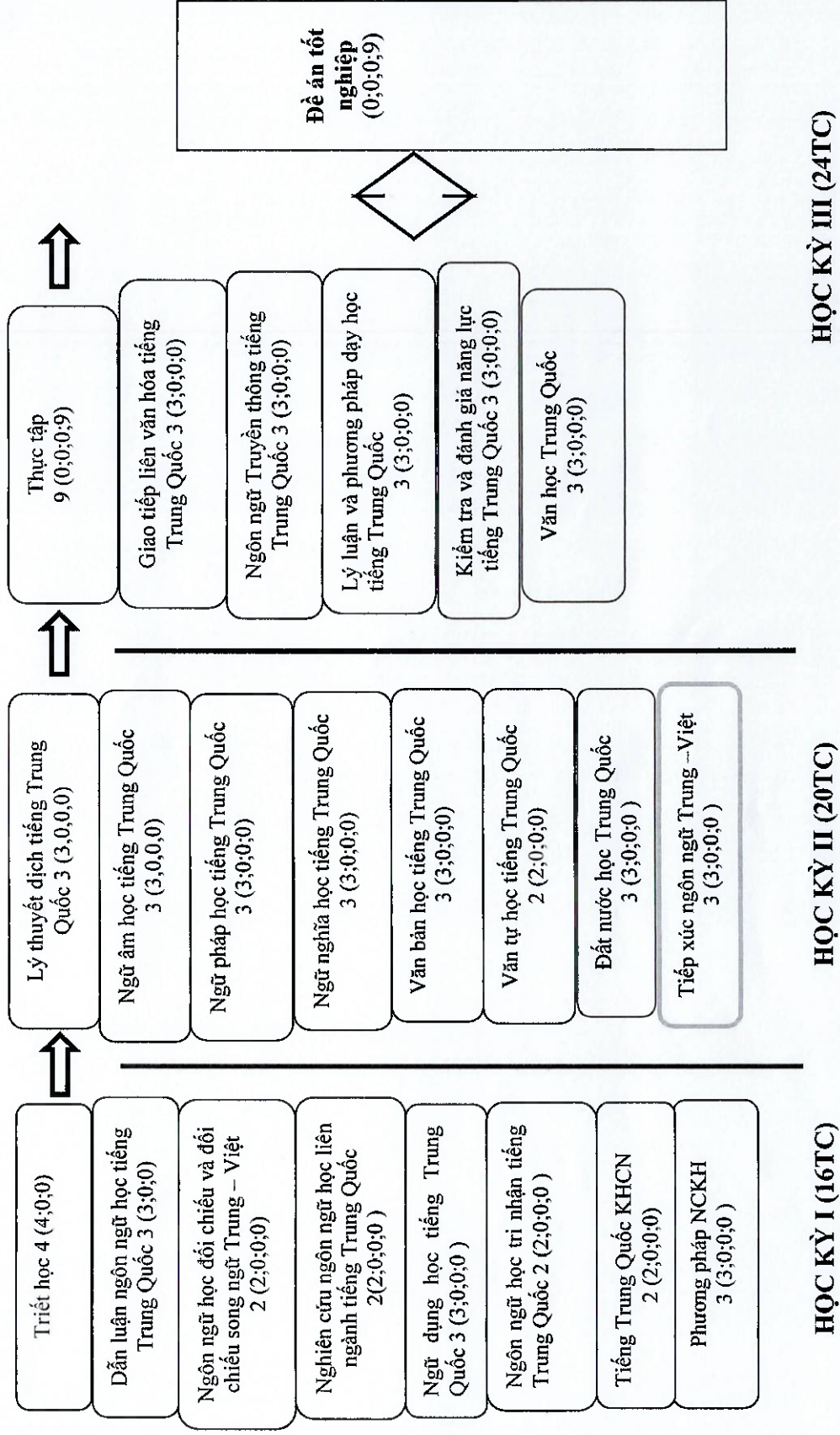
Danh mục các học phần học bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển: Thực hiện theo thông báo tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

5. Khối lượng học tập toàn khóa (tính bằng tín chỉ): 60 tín chỉ

Thời gian đào tạo toàn khóa

Thời gian đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Trung Quốc được thực hiện trong 1,5 năm. Tùy theo năng lực và điều kiện cụ thể mà học viên có thể sắp xếp để hoàn thành theo kế hoạch hoặc kéo dài thêm nhưng không được vượt quá hai lần so với thời gian được thiết kế cho chương trình học.

Bảng 2. Kế hoạch đào tạo toàn khóa



6. Cấu trúc và nội dung CTĐT

Nội dung chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Trung Quốc trình độ thạc sĩ được thiết kế gồm 05 phần:

- Phần 1: Kiến thức chung (03 tín chỉ)
- Phần 2: Kiến thức cơ sở ngành (học phần bắt buộc và tự chọn; 12 tín chỉ)
- Phần 3: Kiến thức ngành (học phần bắt buộc và tự chọn; 26 tín chỉ)
- Phần 4: Thực tập (9 tín chỉ)
- Phần 5 : Đề án tốt nghiệp (9 tín chỉ)

Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần		Khối giáo dục/Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ thành phần			
					LT	TH/TN	TL/BTL/ĐaMH/TT	
6.1	Phần chữ		Phần số	Phần 1. Kiến thức chung	7	7	0	0
1	LP	7201	Triết học (Philosophy)	4	4	0	0	
2	BM	7226	Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao (Advanced Research Methodology)	3	3	0	0	
6.2	Phần 2. Kiến thức Cơ sở ngành			9	9	0	0	
6.2.1	Bắt buộc			5	5			
1	FL	7031	Dẫn luận ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc (General Chinese Linguistics)	3	3	0	0	
2	FL	7033	Ngôn ngữ học đối chiếu và đối chiếu song ngữ Trung – Việt (Contrastive Linguistics and Chinese – Vietnamse Contrasting)	2	2	0	0	
6.2.2	Tự chọn nhóm 1 (chọn 2 trong 5 học phần)			4	4	0	0	
1	FL	7034	Nghiên cứu ngôn ngữ học liên ngành tiếng Trung Quốc (Interdisciplinary Linguistics Studies (Chinese))	2	2	0	0	

STT	Mã học phần		Khối giáo dục/Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ thành phần		
					LT	TH/ TN	TL/ BTL/ ĐaMH/ TT
3	FL	7036	Ngôn ngữ học tri nhận tiếng Trung Quốc (Cognitive Linguistics (Chinese))	2	2	0	0
4	FL	7037	Tiếng Trung Quốc Khoa học công nghệ (Chinese for Science and Technology)	2	2	0	0
5	FL	7038	Văn bản học tiếng Trung Quốc (Chinese Texts Analysis)	2	2	0	0
6.3	Phần 3. Kiến thức chuyên ngành			26	26	0	0
6.3.1	Bắt buộc			14	14		
1	FL	7039	Ngữ âm học tiếng Trung Quốc (Chinese Phonetics)	3	3	0	0
2	FL	7040	Ngữ pháp học tiếng Trung Quốc (Chinese Grammar)	3	3	0	0
3	FL	7041	Ngữ nghĩa học tiếng Trung Quốc (Chinese Lexicals - Semantics)	3	3	0	0
4	FL	7042	Lí thuyết dịch tiếng Trung Quốc (Translation Theory Studies)	3	3	0	0
5	FL	7043	Văn tự học tiếng Trung Quốc (Chinese Characters)	2	2	0	0
6.3.2	Tự chọn nhóm 2 (Chọn 4 trong 8 học phần)			12	12	0	0
1	FL	7044	Ngữ dụng học tiếng Trung Quốc (Pragmatics (Chinese))	3	3	0	0
2	FL	7045	Tiếp xúc ngôn ngữ Trung-Việt (Chinese - Vietnamese Language Contacting)	3	3	0	0

STT	Mã học phần		Khối giáo dục/Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ thành phần		
					LT	TH/TN	TL/BTL/ĐaMH/TT
3	FL	7046	Ngôn ngữ truyền thông tiếng Trung Quốc (The Media Language (Chinese))	3	3	0	0
4	FL	7047	Giao tiếp liên văn hóa tiếng Trung Quốc (Intercultural Communication (Chinese))	3	3	0	0
5	FL	7048	Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Trung Quốc (Chinese Teaching Methodology)	3	3	0	0
6	FL	7049	Kiểm tra - đánh giá trình độ tiếng Trung Quốc (Chinese Skill Testing)	3	3	0	0
7	FL	7050	Văn học Trung Quốc (Chinese Literate) (Chinese Literature)	3	3	0	0
8	FL	7051	Đất nước học Trung Quốc (Chinese National Culture)	3	3	0	0
6.4	FL	7052	Phần 4. Thực tập	9	0	0	9
6.5	FL	7053	Phần 5. Đề án tốt nghiệp	9	0	0	9
Tổng cộng				60	42	0	18

7. Kế hoạch giảng dạy và lộ trình phát triển kiến thức, kỹ năng

7.1. Hệ chính quy

Mã CDR của CTĐT	Mã Tiêu chí đánh giá	Nội dung tiêu chí đánh giá	Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ III
SO 1	PI 1.1	Vận dụng kiến thức lý luận vào giải quyết vấn đề trong công việc chuyên môn và	LP (7202) (I/T)		

		nghiên cứu thuộc lĩnh vực ngôn ngữ.			
	PI 1.2	Vận dụng kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ học để phân tích và lý giải những hiện tượng ngôn ngữ học cụ thể.	FL7031(T,U) FL7033(T,U) FL7036(T,U) FL7045(T,U)		
	PI 1.3	Vận dụng kiến thức về ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc vào nghiên cứu chuyên sâu và lý giải các hiện tượng sử dụng ngôn ngữ trong thực tế.	FL7035(T,U) FL7044(T,U)	FL7039(T,U) FL7040(T,U) FL7041(T,U) FL7043(T,U)	
	PI 1.4	Vận dụng kiến thức về văn học, giao tiếp liên văn hoá trong thực tế và trong nghiên cứu các hiện tượng ngôn ngữ cụ thể.		FL7038(T,U) FL7047(T,U) FL7050(T,U)	
SO 2	PI 2.1	Vận dụng kiến thức về nghiên cứu khoa học để quản trị, quản lý, thực hiện nghiên cứu và báo cáo khoa học trong lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc.	FL7032(T,U)		
	PI 2.2	Vận dụng kiến thức về lí luận dịch thuật nâng cao vào công việc phiên dịch, biên dịch và nghiên cứu dịch thuật.		FL7042(T,U)	
	PI 2.3	Vận dụng kiến thức về xu hướng, chiến lược, phương pháp và kỹ thuật dạy học và kiểm tra đánh giá vào công tác giảng dạy tiếng Trung Quốc.			FL7048(T,U) FL7049(T,U)

SO 3	PI 3.1	Xác định vấn đề cần nghiên cứu; lập kế hoạch quản lý; phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu thông tin để đưa ra các đề xuất và thực hiện báo cáo khoa học trong lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc			FL7051(T,U)
	PI 3.2	Thiết kế và phát triển chương trình giảng dạy tiếng Trung Quốc			FL7046(T,U)
SO 4	PI 4.1	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chuyên môn.	FL7037(T,U)		
	PI 4.2	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc.	FL7034 (T,U)		
SO 5	PI 5.1	Thể hiện sự thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác			FL7052(T,U)
	PI 5.2	Thể hiện sự thích nghi, năng lực tự cải tiến chất lượng chuyên môn.			FL7053(T,U)

7.2. Hệ VHVL

Mã SO	Mã PI	Nội dung tiêu chí đánh giá	Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ III	Học kỳ IV
SO 1	PI 1.1	Vận dụng kiến thức lí luận vào giải quyết vấn đề trong công việc chuyên môn và nghiên cứu thuộc lĩnh vực ngôn ngữ.	PL7202;			

	PI 1.2	Vận dụng kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ học để phân tích và lý giải những hiện tượng ngôn ngữ học cụ thể.	FL7031; FL7033; FL7035; FL7036			
	PI 1.3	Vận dụng kiến thức về ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc vào nghiên cứu chuyên sâu và lý giải các hiện tượng sử dụng ngôn ngữ trong thực tế.		FL7039; FL7040; FL7041;	FL7043; FL7044	
	PI 1.4	Vận dụng kiến thức về văn học, giao tiếp liên văn hoá trong thực tế và trong nghiên cứu các hiện tượng ngôn ngữ cụ thể.		FL7038; FL7050; FL7045	FL7047	
SO 2	PI 2.1	Vận dụng kiến thức về nghiên cứu khoa học để quản trị, quản lý, thực hiện nghiên cứu và báo cáo khoa học trong lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc.	FL7032,	FL7049	FL7048	
	PI 2.2	Vận dụng kiến thức về lí luận dịch thuật nâng cao vào công việc phiên dịch, biên dịch và nghiên cứu dịch thuật.		FL7042		
	PI 2.3	Vận dụng kiến thức về xu hướng, chiến lược, phương pháp và kỹ thuật dạy học và kiểm tra đánh giá vào công tác giảng dạy tiếng Trung Quốc.			FL7048; FL7049	
SO 3	PI 3.1	Xác định vấn đề cần nghiên cứu; lập kế hoạch quản lý; phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu thông tin để đưa ra các đề xuất và		FL7051		

		thực hiện báo cáo khoa học trong lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc				
	PI 3.2	Thiết kế và phát triển chương trình giảng dạy tiếng Trung Quốc			FL7046	
SO 4	PI 4.1	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chuyên môn và nghiên cứu thuộc lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc.	FL7037			
	PI 4.2	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc.	FL7034			
	PI 5.1	Thể hiện sự thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác			FL7052	
SO 5	PI 5.2	Thể hiện sự thích nghi, năng lực tự cải tiến chất lượng chuyên môn.				FL7053

8. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng học phần

1. HỌC PHẦN : Dẫn luận ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc 汉语语言学导论

Mã học phần : FL7031

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần “Dẫn luận ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc” cung cấp cho học viên cao học Ngôn ngữ Trung Quốc những kiến thức cơ bản về lý luận ngôn ngữ và các cấp độ nghiên cứu ngôn ngữ như: ngữ âm học, ngữ pháp học, ngữ nghĩa học, ngữ dụng học, đa ngữ và thụ đắc ngôn ngữ. Các kiến thức này trang bị cho học viên các kỹ năng và phương pháp phân tích, mô tả, cấu trúc và chức năng của các ngôn ngữ nói chung và của tiếng Trung Quốc nói riêng để vận dụng vào thực tiễn nghiên cứu, giảng dạy, học tập tiếng Trung Quốc, bản ngữ và các ngôn ngữ khác .

2. HỌC PHẦN : Nghiên cứu ngôn ngữ học liên ngành tiếng Trung Quốc

汉语语言学的跨学科研究

Mã học phần : FL7034

Số tín chỉ: 2(2;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần nghiên cứu ngôn ngữ học liên ngành (tiếng Trung Quốc) cung cấp cho học viên cao học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc những kiến thức và cách tiếp cận về một hướng nghiên cứu mới của ngôn ngữ học: cùng với việc nghiên cứu chuyên ngành, ngôn ngữ học được tiếp cận từ đa ngành, tức là sự tiếp cận ngôn ngữ học có sự kết hợp với các ngành khoa học khác; coi các nhân tố ngoài ngôn ngữ như một lực lượng tác động vào ngôn ngữ, nhờ đó, làm sáng tỏ những nội dung khoa học cũng như sự vận động của ngôn ngữ. Kết thúc học phần, học viên có được các kỹ năng và phương pháp nghiên cứu liên ngành đối với ngôn ngữ học nói chung và của tiếng Trung Quốc nói riêng để vận dụng vào thực tiễn nghiên cứu, giảng dạy, học tập tiếng Trung Quốc, bản ngữ và các ngôn ngữ khác.

3. HỌC PHẦN : Ngôn ngữ học Tri nhận tiếng Trung Quốc

汉语认知语言学

Mã học phần : FL7036

Số tín chỉ: 2(2;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần Ngôn ngữ học tri nhận tiếng Trung Quốc cung cấp cho học viên cao học Ngôn ngữ Trung Quốc những kiến thức và cách tiếp cận về ngôn ngữ học tri nhận: như khái quát ngôn ngữ học tri nhận, một số khái niệm cơ bản, các quan điểm cơ bản của ngôn

ngữ học tri nhận, các nguyên lí của ngôn ngữ học tri nhận, ẩn dụ hoán dụ tri nhận, tính giống nhau, tri nhận phạm trù không gian, ứng dụng ngôn ngữ tri nhận. Từ đó, học viên có thể vận dụng những kiến thức ngôn ngữ học tri nhận vào việc tìm hiểu và giải thích những hiện tượng có liên quan phương thức tri nhận của tiếng Hán, tiếng Việt và các ngôn ngữ khác.

4. HỌC PHẦN : Văn bản học tiếng Trung Quốc

汉语文本语言学

Mã học phần : FL7038

Số tín chỉ: 2(2;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần sẽ cung cấp chuyên sâu các kiến thức ngôn ngữ học về văn bản như đặc điểm của văn bản, tính liên kết cũng như các phương thức liên kết văn bản, phân tích văn bản. Qua đó, học viên có thể vận dụng kiến thức vào tiếp thu, xây dựng văn bản, vận dụng vào thực tiễn nghiên cứu, giảng dạy, học tập tiếng Hán, bản ngữ và các ngôn ngữ khác.

5. HỌC PHẦN : Phương pháp nghiên cứu khoa học

Mã học phần : FL7032

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần này cung cấp các kiến thức và kỹ năng căn bản về phương pháp nghiên cứu (lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng hoặc giảng dạy ngôn ngữ) về khoa học và nghiên cứu khoa học, giới thiệu về các trường ngôn ngữ và nghiên cứu ngôn ngữ, giới thiệu về luận văn học thuật và phương pháp viết của họ, chọn chủ đề luận văn học thuật của sinh viên ý nghĩa, mục đích, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp, quy trình và thiết kế của đề tài nghiên cứu, giới thiệu sơ lược về phương pháp nghiên cứu khoa học để viết một tiểu luận liên quan đến trong phạm vi học phần vào trong thực tế. Học phần cũng trang bị cho học viên các kỹ năng tìm kiếm, đánh giá và chọn lựa thông tin giúp học viên hình thành tư duy phê phán và lập luận biện chứng.

6. HỌC PHẦN : Ngôn ngữ học đối chiếu và đối chiếu song ngữ Trung – Việt

Mã học phần : FL7033

Số tín chỉ: 2(2;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần này cung cấp các kiến thức vấn đề về lý luận, phương pháp nghiên cứu, sự phát triển của ngôn ngữ học đối chiếu và các kiến thức tổng quan về đối chiếu ngôn ngữ, đối chiếu song ngữ Trung – Việt một cách hệ thống. Thông qua các hiện tượng ngôn ngữ cụ thể, những phương pháp phân tích đối chiếu ngôn ngữ cơ bản và những nội dung chủ yếu trong đối chiếu ngôn ngữ Trung-Việt, sẽ gợi mở hướng phân tích đối chiếu

Trung-Việt tiếp theo. Kết thúc học phần, học viên có thể vận dụng kiến thức về ngôn ngữ học đối chiếu để nghiên cứu chuyên sâu và ứng dụng lý giải về sự tương đồng và khác biệt của các hiện tượng ngôn ngữ và song ngữ Trung – Việt trong thực tiễn.

7. HỌC PHẦN : Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Trung Quốc

Mã học phần : FL7035

Số tín chỉ: 2(2;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần này cung cấp các kiến thức cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản, để giải quyết nhiệm vụ của mỗi ngành, sử dụng phương pháp của những ngành khoa học khác nhau: vật lí học (trong lĩnh vực âm học, lí thuyết dao động điện từ, quang học), tin học, xã hội học, y học, luật học v.v... Là một ngành khoa học ứng dụng, ngôn ngữ học ứng dụng phải giải quyết các nhiệm vụ có tính xây dựng và đưa chúng vào thực tế xã hội. Đồng thời, học phần cũng định hướng cho học viên thực hành các kỹ năng đó trong thực tế sử dụng tiếng Việt và tiếng Trung Quốc để thực hiện trong một lĩnh vực cụ thể.

8. HỌC PHẦN : Tiếng Trung Quốc Khoa học công nghệ

Mã học phần : FL7037

Số tín chỉ: 2(2;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần sẽ cung cấp chuyên sâu các kiến thức chuyên ngành về từ vựng và các thuật ngữ tiếng Trung Quốc thuộc các lĩnh vực dệt may, thiết kế thời trang, điện- điện tử, công nghệ thông tin, vật lý, công nghệ sinh học, hóa chất, cơ khí tự động hóa. Sau khi học xong học phần này, học viên có thể nắm rõ và vận dụng kiến thức ngôn ngữ vào công việc cụ thể trong thực tiễn.

9. HỌC PHẦN : Ngữ âm học tiếng Trung Quốc

Mã học phần : FL7039

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần này cung cấp kiến thức ngữ âm học tiếng Trung Quốc về sự hình thành của ngữ âm, nguyên âm, phụ âm, âm tiết và cấu tạo âm tiết, thanh điệu, biến âm, vần luật, ngữ âm học và âm vị học, phân tích và thảo luận hệ thống âm vị tiếng Trung quốc phổ thông và quan hệ phương án phiên âm tiếng Trung quốc và âm vị tiếng Trung quốc phổ thông, rèn luyện các kĩ năng phân tích, tổng hợp thông tin và tạo tiền đề cho học viên vận dụng linh hoạt vào giao tiếp, nghiên cứu. Qua đó nâng cao kiến thức về ngữ âm học tiếng Trung Quốc cho học viên, thuyết trình một số chuyên đề về ngữ âm tiếng Trung hiện đại hoặc một số thành quả nghiên cứu ngữ âm tiếng Trung mới. Kết thúc học phần, học

viên có thể vận dụng kiến thức về ngữ âm học tiếng Trung Quốc vào nghiên cứu chuyên sâu và lý giải các hiện tượng sử dụng ngôn ngữ trong thực tế.

10. HỌC PHẦN : Ngữ pháp học tiếng Trung Quốc

Mã học phần : FL7040

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức tổng quan về ngữ pháp học tiếng Trung Quốc hiện đại, những phương pháp phân tích ngữ pháp cơ bản để giúp học viên có thể lý giải được các hiện tượng ngữ pháp một cách khoa học. Ngoài ra, học phần còn cung cấp kiến thức về các trường phái nghiên cứu ngữ pháp và ứng dụng của việc nghiên cứu ngữ pháp tiếng Trung trong thực tiễn. Học phần cũng giúp học viên rèn luyện kỹ năng đọc hiểu kiến thức chuyên sâu về ngữ pháp học tiếng Trung, thuyết trình một số chuyên đề về ngữ pháp tiếng Trung hiện đại hoặc một số thành quả nghiên cứu ngữ pháp tiếng Trung mới. Kết thúc học phần, học viên có thể vận dụng kiến thức về ngữ pháp học tiếng Trung Quốc vào nghiên cứu chuyên sâu và lý giải các hiện tượng sử dụng ngôn ngữ trong thực tế.

11. HỌC PHẦN : Ngữ nghĩa học tiếng Trung Quốc

Mã học phần : FL7041

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần này cung cấp các kiến thức vấn đề về lý luận, phương pháp nghiên cứu, sự phát triển của ngữ nghĩa học sau những năm 60 của thế kỷ 20 trên thế giới và ở Trung Quốc. Đối tượng nghiên cứu của học phần chủ yếu là ngữ nghĩa tiếng Trung Quốc hiện đại, tuy nhiên cũng chú ý đến cả tiếng Trung Quốc cổ đại, chỉ rõ nội dung cơ bản mà ngữ nghĩa truyền thống và ngữ nghĩa học hiện đại nghiên cứu. “Ngữ nghĩa học tiếng Trung Quốc” chủ yếu đi sâu nghiên cứu nghĩa của từ, cấu trúc nghĩa của từ, hệ thống nghĩa từ vựng (trường từ vựng), cấu trúc ngữ nghĩa của câu, diễn biến của ngữ nghĩa. Học phần coi trọng những thành tựu của ngữ nghĩa học truyền thống, tiếp thu những yếu tố có giá trị của ngữ nghĩa học hiện đại. Đặc biệt là xuất phát từ tập trung nghiên cứu đặc điểm của tiếng Trung Quốc nhằm giải quyết những vấn đề thiết thực được đặt ra trong ngôn ngữ hiện đại. Kết thúc học phần, học viên có thể vận dụng kiến thức về ngữ nghĩa học tiếng Trung Quốc vào nghiên cứu chuyên sâu và lý giải các hiện tượng ngữ nghĩa trong thực tiễn.

12. HỌC PHẦN : Văn tự học tiếng Trung Quốc

Mã học phần : FL7043

Số tín chỉ: 2(2;0;0;0)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần văn tự học tiếng Trung Quốc cung cấp cho người học những kiến thức tổng quan và chuyên sâu về chữ Hán và ngành văn tự học chữ Hán như: lịch sử chữ Hán, nguồn gốc, tính chất của chữ Hán; cấu tạo chữ Hán; hình dạng của chữ Hán, mối quan hệ hình, âm, ý của chữ Hán; quy luật tiến trình phát triển của chữ Hán, thông qua chữ Hán tìm hiểu về văn hóa Hán, các phương pháp và nguyên tắc nghiên cứu Hán tự. Học phần cũng giúp học viên bước đầu nắm được những phương pháp tiến hành nghiên cứu, những thay đổi trong phương pháp luận nghiên cứu, những tiến bộ trong cách nhìn nhận và giải quyết vấn đề văn tự học của các học giả.

13. HỌC PHẦN : Ngữ dụng học tiếng Trung Quốc

Mã học phần : FL7044

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần này cung cấp kiến thức hệ thống về khái niệm, lí luận liên quan và nội dung chuyên sâu của ngữ dụng học, tổng quan nghiên cứu về ngữ dụng học của một số học giả tiêu biểu trên thế giới, ở Trung Quốc và ở Việt Nam. Trên cơ sở khối kiến thức chung, học phần sẽ tập trung làm rõ các khái niệm, vấn đề chính yếu của việc nghiên cứu ngôn ngữ ở trạng thái hoạt động (hành chức) được biểu hiện qua đối tượng giao tiếp, thông tin giao tiếp, hành động ngôn ngữ, ngữ cảnh sử dụng ngôn từ, lập luận và thông tin miêu tả, nguyên tắc và cấu trúc hội thoại, ý nghĩa tường minh và hàm ẩn, cơ chế tạo hàm ngôn và phân loại tiền giả định, chỉ xuất, hệ qui chiếu, phương thức và hành động chiếu vật, biểu thức ngôn hành, hội thoại, diễn ngôn, v.v... Kết thúc học phần, học viên có thể vận dụng kiến thức về ngữ dụng học tiếng Trung Quốc vào nghiên cứu chuyên sâu và lý giải các hiện tượng ngữ nghĩa trong thực tiễn.

14. HỌC PHẦN : Lí thuyết Dịch (tiếng Trung Quốc)

Mã học phần : FL7042

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Bắt buộc

Nội dung học phần gồm ba phần: Phần thứ nhất, nghiên cứu làm rõ khái niệm, bản chất, vị trí vai trò của hoạt động phiên dịch trong đời sống xã hội; nghiên cứu các trường phái phiên dịch, các loại hình phiên dịch. Phần thứ hai, nghiên cứu trình tự quy trình phiên dịch, các tiêu chí cơ bản của phiên dịch, các phương pháp và kỹ xảo phiên dịch. Phần thứ ba, nghiên cứu tình hình dạy dịch ở Trung Quốc và Việt Nam, mục tiêu yêu cầu của dạy học phiên dịch hiện nay; nghiên cứu nội dung và phương pháp biên soạn giáo trình dịch; nghiên cứu xây dựng phương pháp dạy dịch; nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng dạy dịch. Kết thúc học phần, học viên có thể vận dụng kiến thức vào nghiên cứu dịch thuật và lý giải các vấn đề trong thực tiễn phiên dịch.

15. HỌC PHẦN : Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Trung Quốc

Mã học phần : FL7048

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần gồm phần lí luận giới thiệu các khái niệm cơ bản trong nghiên cứu về lý luận và phương pháp giảng dạy ngoại ngữ nói chung và tiếng Trung Quốc nói riêng. Giới thiệu các phương pháp giảng dạy ngoại ngữ, phân tích điểm mạnh của từng phương pháp, chú trọng giới thiệu các phương pháp hiện đại. Giới thiệu mục đích và nguyên tắc của hoạt động giảng dạy tiếng Trung Quốc. Tập trung vào các vấn đề lý luận và phương pháp liên quan đến giảng dạy các yếu tố ngôn ngữ và các kỹ năng tiếng Trung Quốc. Phần thực hành phân tích các phương pháp, các ví dụ, các giờ dạy học cụ thể gắn với giảng dạy từng yếu tố ngôn ngữ, từng kỹ năng tiếng Trung Quốc. Học viên được giao nhiệm vụ xây dựng giáo án và tập sự giảng dạy. Kết thúc học phần, học viên có thể vận dụng kiến thức vào nghiên cứu, lý giải và dạy học tiếng Trung Quốc.

16. HỌC PHẦN : Kiểm tra - đánh giá trình độ tiếng Trung Quốc

Mã học phần : FL7049

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần:

Học phần bao gồm một số vấn đề sau: (1) Lí luận chung về kiểm tra - đánh giá (KTĐG) trình độ ngôn ngữ nói chung như: Các nguyên lý cơ bản của KTĐG trình độ ngôn ngữ (mục đích, tầm quan trọng, phương thức tiến hành, các hình thức kiểm tra đánh giá trình độ ngôn ngữ); (2) Một trong những nội dung quan trọng của học phần là vấn đề liên quan đến cơ sở lí luận và cách thức biên soạn các kiểu đề thi khác nhau trong KTĐG trình độ tiếng Trung Quốc; (3) Kiến thức cơ bản về KTĐG trình độ tiếng Trung Quốc (HSK và HSKK). Kết thúc học phần, học viên có thể vận dụng kiến thức vào nghiên cứu, lý giải và tổ chức kiểm tra – đánh giá trình độ tiếng Trung Quốc.

17. HỌC PHẦN : Văn học Trung Quốc

Mã học phần : FL7050

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Nội dung học phần gồm ba phần. Phần thứ nhất là những khái niệm chính yếu và những đặc trưng cơ bản của văn học, vị trí và vai trò văn học trong đời sống xã hội Trung Quốc. Phần thứ hai là nội dung sơ lược về lịch sử hình thành và phát triển của văn học Trung Quốc, giới thiệu khái quát về những nghiên cứu nội dung tư tưởng và thành tựu nghệ thuật của văn học Trung Quốc qua các thời kỳ. Phần thứ ba phân tích về văn học hiện đại Trung Quốc, nghiên cứu một số hiện tượng văn học, các tác giả và tác phẩm tiêu biểu. Kết thúc học phần, học viên có thể vận dụng kiến thức vào nghiên cứu và lý giải một số vấn đề về văn học Trung Quốc, phân tích các trào lưu văn học hiện đại,

bình giảng nội dung tư tưởng, đặc điểm sáng tác của một số nhà văn và tác phẩm văn học của Trung Quốc.

18. HỌC PHẦN : Tiếp xúc ngôn ngữ Trung-Việt

Mã học phần : FL7045

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần cung cấp cho học viên bức tranh tổng quát về sự tiếp xúc song ngôn ngữ Trung – Việt và quá trình tiếp xúc ngôn ngữ Trung – Việt và hệ quả của nó. Chú trọng tới tính ứng dụng và các giai đoạn tiếp xúc Trung – Việt cũng như các con đường tiếp xúc để hình thành nên các đơn vị mượn Hán khác nhau trong tiếng Việt. Sau khi học xong học phần, học viên có thể phân tích du nhập của các từ Hán vào tiếng Việt và sự hoạt động của các đơn vị này trong tiếng Việt hiện đại. Đồng thời so sánh chúng với tiếng Hán hiện đại để thấy rõ tác động của các nhân tố văn hoá - xã hội đối với quá trình đồng hoá và hành chức của các đơn vị này, sẽ giúp ích cho việc nâng cao khả năng diễn đạt ngôn ngữ trong quá trình giao tiếp của bản thân.

19. HỌC PHẦN : Giao tiếp liên văn hóa (tiếng Trung Quốc)

Mã học phần : FL7047

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần cung cấp cho học viên hiểu biết sâu sắc về giao tiếp liên văn hoá trong bối cảnh toàn cầu hóa, giúp học viên có cái nhìn toàn diện, cởi mở về sự khác biệt và đa dạng giữa các nền văn hóa, cũng như trong một nền văn hóa. Sau khi học xong học phần này, học viên có thể vận dụng các kỹ năng cần thiết để giao tiếp liên văn hóa, chiêm nghiệm về những giá trị, bản sắc văn hóa cá nhân, và biết trân trọng những tương đồng và khác biệt văn hóa, cũng như trong giảng dạy ngôn ngữ hiệu quả trong bối cảnh liên văn hóa.

20. HỌC PHẦN : Ngôn ngữ truyền thông (tiếng Trung Quốc)

Mã học phần : FL7046

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần có nội dung cốt lõi liên quan đến lí luận về truyền thông, truyền thông xã hội, mối quan hệ giữa ngôn ngữ với truyền thông và đặc trưng của ngôn ngữ truyền thông; trình bày và phân tích về mặt lí luận cũng như thực tế vai trò và tầm quan trọng của ngôn ngữ truyền thông trong giao tiếp tiếng Trung Quốc; về lí luận, nội dung học phần hướng tới việc gắn ngôn ngữ với nhu cầu xã hội, đặc biệt trên phương diện chức năng tác động của ngôn ngữ; về thực tiễn, khi kết thúc học phần, hướng đến việc học viên có thể áp

dụng những lí luận mới về truyền thông học, ngôn ngữ học, ngôn ngữ truyền thông tiếng Trung Quốc vào việc nâng cao chất lượng thiết kế thông điệp truyền thông, mở rộng ra các không gian khác của truyền thông như nghệ thuật, phát triển cộng đồng, truyền thông thương mại và tiếp thị.

21. HỌC PHẦN : Đất nước học Trung Quốc

Mã học phần : FL7051

Số tín chỉ: 3(3;0;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về địa lý, lịch sử, kinh tế, giao lưu thương mại, khoa học kỹ thuật và những kiến thức nền tảng về văn hóa xã hội nước bản địa, rèn luyện các kĩ năng phân tích, tổng hợp thông tin và tạo tiền đề cho học viên vận dụng linh hoạt vào giao tiếp, biên phiên dịch. Qua đó nâng cao kiến thức nền cho học viên về đất nước và con người Trung Quốc.

22. HỌC PHẦN : Thực tập

Mã học phần : FL7052

Số tín chỉ: 9(0;0;0;9)

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần giúp cho học viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc áp dụng được kiến thức thực hành tiếng và lý thuyết tiếng Trung Quốc đã học vào công việc thực tế tại một doanh nghiệp. Thông qua học phần sinh viên vận dụng được các kiến thức đã học vào việc thực hành công tác biên phiên dịch và đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực tập tại doanh nghiệp. Đồng thời giúp học viên có ý thức tích cực, chủ động trong quá trình làm việc, giúp học viên nhận thức được bối cảnh nghề nghiệp biên phiên dịch trong bối cảnh toàn cầu hóa cũng như thể hiện được ý thức tôn trọng văn hóa tổ chức, doanh nghiệp nơi thực tập, công tác, rèn luyện được các kỹ năng mềm tại doanh nghiệp nơi thực tập.

23. HỌC PHẦN : Thực tập tốt nghiệp

Mã học phần : FL7053

Số tín chỉ: 9(0;0;0;9)

Loại học phần: Bắt buộc

Đề án tốt nghiệp trang bị cho học viên kiến thức về thực hiện một công trình nghiên cứu có ý nghĩa khoa học, giá trị thực tiễn, ứng dụng cao về lĩnh vực Ngôn ngữ Trung Quốc. Học phần cũng giúp học viên phát triển kỹ năng nghiên cứu độc lập, kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề, kỹ năng ứng dụng lý thuyết, kỹ năng viết và trình bày, kỹ năng bảo vệ đề tài nghiên cứu. Học viên ứng dụng kiến thức sâu rộng và tiên tiến về Ngôn ngữ tiếng Trung Quốc và phương pháp luận khoa học để tổng hợp, nghiên cứu,

phân tích, phát hiện và giải quyết các vấn đề ngôn ngữ; từ đó gợi ý định hướng hoặc đề xuất giải pháp góp phần đổi mới sáng tạo, hoàn thiện vấn đề ngôn ngữ phát sinh trong thực tiễn.

9. Tài liệu tham khảo

- Tối thiểu 1 CTĐT ngành tương ứng của các trường đại học uy tín trong nước.
- Tối thiểu 1 CTĐT ngành tương ứng của các trường đại học nước ngoài.
- Các tài liệu tham khảo khác.

9.1 Bảng đối chiếu chương trình đào tạo

BẢN ĐỐI CHIẾU CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO MỞ MỜI VỚI CÁC CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THAM KHẢO

Tiêu chí	CTĐT hiện hành của đơn vị	CTĐT tham khảo trong nước		CTĐT tham khảo quốc tế
	Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo Và Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo của trường Đại học Ngoại Ngữ ĐHQG Hà Nội https://saudaihoc.u lis.vnu.edu.vn/cac-chuong-trinh-dao-tao-thac-sy-chuyen-nganh-ngon-ngu/	Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo của trường Đại học Hà Nội https://www.hanu.edu.vn/c/9021/Tha c-si-Ngon-ngu-Trung-Quoc	Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo của trường Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh http://hyxy.blcu.edu.cn/art/2018/9/3/art_7530_1137_293.html
Mục tiêu chung	Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành ngôn ngữ Trung Quốc được xây dựng theo định hướng ứng dụng, nhằm đào tạo đội ngũ chuyên môn	- Chương trình hỗ trợ, chuẩn bị cho các học giả tiến hành các kỳ kiểm tra có hệ thống về chủ nghĩa đa ngôn ngữ của cá nhân và xã hội nhằm xây dựng và kiểm tra các lý thuyết về cách các hệ thống ngôn ngữ phát triển, được tiếp	Mục tiêu chung của chương trình nhằm đào tạo ra những cử nhân, kỹ sư có phẩm chất đạo đức tốt, kiến thức chuyên môn sâu rộng, có khả năng biên phiên dịch, đồng thời có thể vận dụng kiến thức và kỹ năng của mình vào các	

	<p>có kiến thức sâu rộng và tiên tiến về ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc và các kiến thức khoa học liên quan; am hiểu về ngôn ngữ và văn hóa các nước nói tiếng Trung Quốc, đồng thời vận dụng sáng tạo các kiến thức được học vào công việc chuyên môn và nghiên cứu thuộc lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc một cách hiệu quả.</p>	<p>thu, sử dụng và giảng dạy trong bối cảnh toàn cầu.</p> <p>- Nhìn chung, mục đích của nghiên cứu được thực hiện trong nghiên cứu sau đại học về Ngôn ngữ học Ứng dụng sẽ làm sáng tỏ sự đa chiều của việc nghiên cứu ngôn ngữ như một phương thức tồn tại xã hội, giao tiếp và nhận thức.</p>	<p>lĩnh vực kinh tế, xã hội, công nghệ giúp đất nước phát triển.</p>	
<p>Mục tiêu cụ thể</p>	<p>-Nắm vững kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, các nguyên lý và học thuyết cơ bản về triết học và ngôn ngữ học; Nắm vững phương pháp</p>	<p>- Chương trình nhằm cung cấp kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực nghiên cứu hoặc chuyên ngành cụ thể.</p> <p>-Phát triển năng lực nghiên cứu, phân tích dữ liệu, đưa ra giả thuyết, tiến hành nghiên</p>	<p>- Phục vụ nhu cầu của đất nước trong việc đào tạo nhân lực biết dạy tiếng Trung Quốc và nghiên cứu về ngôn ngữ học ứng dụng; - Đào tạo ra lực lượng học viên cao học có hiểu biết sâu sắc về ngôn ngữ học ứng dụng</p>	<p>- Có thể sử dụng tiếng Trung Quốc để phát triển các mối quan hệ quốc tế. Phục vụ vào công việc cần thiết trong tương lai. Có thể giảng dạy ở các cơ quan cao tầng như các cơ quan đào tạo cán bộ công nhân</p>

	<p>luận nghiên cứu khoa học, kiến thức dịch nâng cao, kiến thức về thiết kế và phát triển các khoá học tiếng Trung Quốc và kiến thức chung về quản lý trong lĩnh vực ngôn ngữ tiếng Trung Quốc;</p>	<p>cứu, phân tích, đưa ra kết quả.</p> <p>- Chương trình cung cấp các kỹ năng liên quan đến việc làm trong ngành biên, phiên dịch và các ngành khác có liên quan.</p>	<p>và hiểu được xu hướng lấy người học làm trung tâm để có thể giảng dạy và thực hiện nghiên cứu một cách hiệu quả;</p> <p>- Đào tạo được các học viên cao học có khả năng thực hiện nghiên cứu và suy nghĩ có hệ thống để phát triển và tạo ra kiến thức mới trong lĩnh vực này;</p> <p>- Đào tạo các học viên cao học có khả năng phát triển và giải quyết các vấn đề trong giảng dạy hiệu quả, có thể áp dụng kiến thức mới vào tình huống giảng dạy;</p> <p>- Đào tạo các học viên cao học có khả năng đào tạo tiếp nhân sự trong lĩnh vực này.</p>	<p>viên chức Nhà nước</p>
<p>Chuẩn đầu ra</p>	<p>Theo Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành</p>	<p>- Học viên cao học chứng minh được khả năng phát triển lịch sử và hiện tại trong lý thuyết ngôn ngữ học ứng dụng và các tài liệu hiện tại liên quan đến một chủ đề lý thuyết cụ thể và</p>	<p>- Học viên cao học có sự hiểu biết có hệ thống về nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng.</p> <p>- Học viên cao học phân tích, đánh giá và thiết kế được chính xác nghiên</p>	<p>Nắm được các kỹ năng chính có thể chuyển giao, bao gồm: kỹ năng giao tiếp mạnh mẽ; khả năng thực hiện nghiên cứu độc lập và ban đầu; khả năng trình bày nghiên</p>

<p>Khung trình độ Quốc gia:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác nhận trình độ đào tạo của người học có kiến thức thực tế và lý thuyết tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của chuyên ngành đào tạo; có kỹ năng tổng hợp, phân tích thông tin, phát hiện và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo; có kỹ năng tư duy, nghiên cứu độc lập, độc đáo, sáng tạo tri thức mới; có kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức, thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn; thể hiện năng lực sáng tạo, 	<p>lĩnh vực nghiên cứu trong ngôn ngữ học ứng dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học viên cao học chứng minh được khả năng phát triển của các phương pháp nghiên cứu trong ngôn ngữ học ứng dụng; khả năng thu thập và phân tích đầy đủ dữ liệu thích hợp để giải quyết các câu hỏi nghiên cứu cụ thể. - Học viên cao học phát triển được khả năng thiết kế và thực hiện các dự án nghiên cứu độc lập, nguyên bản để nâng cao lý thuyết và kiến thức trong ngôn ngữ học ứng dụng. - Học viên cao học có khả năng báo cáo rõ ràng và hiệu quả nghiên cứu của họ ở cả hai dạng thuyết trình và viết bằng cách sử dụng các quy ước phù hợp của ngành học. - Nghiên cứu dinh có kiến thức và cam kết đối với các tiêu chuẩn chuyên 	<p>cứu trong ngôn ngữ học ứng dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học viên cao học trình bày được nghiên cứu một cách hiệu quả và thích hợp trong các hội nghị học thuật chất lượng cao, được chấp nhận tốt trong lĩnh vực này. - Học viên cao học viết được các bài báo nghiên cứu và bài báo học thuật chất lượng cao. - Học viên cao học chỉ ra được những đặc điểm liên quan đến một nhà nghiên cứu chuyên nghiệp. 	<p>cứu của bạn trong nhiều bối cảnh học thuật và chuyên nghiệp.</p>
--	--	--	---

	có khả năng tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn, khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia.	môn và đạo đức của công việc học thuật và chuyên nghiệp trong ngôn ngữ học ứng dụng.		
2. Thời gian đào tạo	- 1.5 năm toàn thời gian	- 02 năm toàn thời gian	- 02 năm toàn thời gian	- Toàn thời gian: 02-03 năm (điều kiện phải có 01 năm học trực tiếp tại trường học)
3. Khối lượng tín chỉ toàn khóa	60 tín chỉ	- Tổng tín chỉ tích lũy là 65 tín chỉ	- Tổng tín chỉ tích lũy là 60 tín chỉ	-Tổng tín chỉ không được dưới 32 tín chỉ và trong đó có 28 tín chỉ học phần và 4 tín chỉ thực tập
Khối giáo dục đại cương	3 tín chỉ	3 tín chỉ	3 tín chỉ	5 tín chỉ
Khối giáo dục cơ sở ngành	12 tín chỉ	14 tín chỉ	12 tín chỉ	12 tín chỉ
Khối giáo	26 tín chỉ	28 tín chỉ	39 tín chỉ	Tối thiểu 18 tín chỉ

dục ngàn h và chuyê n ngàn h				
Số học phần bắt buộc	20 tín chỉ	21-27 tín chỉ	18 tín chỉ	Tối thiểu 10 tín chỉ
Số học phần tự chọn	18 tín chỉ	21 tín chỉ	21 tín chỉ	Tối thiểu 10 tín chỉ
5. Luận án tốt nghiệ p	09 tín chỉ	- 9 tín chỉ đối với chương trình định hướng ứng dụng (không quá 50 trang) - 15 tín chỉ đối với chương trình định hướng nghiên cứu	15 tín chỉ	20 tín chỉ
Tiêu chí và phươ ng pháp tuyển chọn người học	1. Yêu cầu đối với người dự tuyển a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên)	- Cử nhân Ngoại Ngữ - Học viên đạt chứng chỉ B1 trước khi bảo vệ luận văn - Bài khóa khoa học: Học viên công bố ít nhất 01 bài báo liên quan đến nội dung chính của luận văn trên	- Các thí sinh đã tốt nghiệp cử nhân Ngôn ngữ Trung Quốc, Sư phạm tiếng Trung Quốc, Biên dịch tiếng Trung Quốc và một số ngành liên quan đến tiếng Trung Quốc * Văn bằng - Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng,	- Yêu cầu cơ bản để nhập học là phải sử dụng tiếng Trung Quốc lưu loát và sẽ làm một bài thi tự luận, phỏng vấn - Năm bắt chắc các tư tưởng Mác và có kỹ năng sống tốt, đạo đức tốt

	<p>ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu</p> <p>c) Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo</p> <p>2. Ngành phù hợp được nêu tại khoản 1 Điều này và tại các điều khác của Quy chế là ngành đào tạo ở trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) trang bị cho người học nền tảng</p>	<p>các tạp chí khoa học chuyên ngành</p>	<p>ngành phù hợp, ngành gắn với chuyên ngành đăng ký dự thi</p> <p>- Đã tốt nghiệp đại học ngành gắn với chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ và đã học bổ sung kiến thức theo quy định</p> <p>- Văn bằng đại học do cơ sở nước ngoài cấp phải thực hiện thủ công nhận theo quy định hiện hành</p> <p>*Kinh nghiệm công tác chuyên môn</p> <p>- Có tối thiểu 01 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi) trừ trường hợp có bằng tốt nghiệp loại khá trở lên, ngành đúng, hoặc phù hợp với chuyên ngành dự thi</p> <p>* Đối tượng ưu tiên</p>	<p>- Cử nhân đại học chuyên ngành hoặc các ngành học có liên quan đến tiếng Trung Quốc</p> <p>- Người có giấy chứng nhận tốt nghiệp ngành học chuyên ngành hoặc ngành học có liên quan đến tiếng Trung Quốc</p> <p>- Người nước ngoài có nhu cầu theo học chuyên ngành</p>
--	--	--	--	--

<p>chuyên môn cần thiết để học tiếp chương trình đào tạo thạc sĩ của ngành tương ứng được quy định cụ thể trong chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo thạc sĩ, cơ sở đào tạo quy định những trường hợp phải hoàn thành yêu cầu học bổ sung trước khi dự tuyển</p> <p>3. Ứng viên đáp ứng yêu cầu quy định tại điều b khoản 1 điều này thì có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:</p> <p>a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình</p>		<p>a) Người có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền</p> <p>b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh</p> <p>c) Con liệt sĩ</p> <p>d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động</p> <p>đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 02 năm trở lên ở địa phương được quy định tại điểm a)</p> <p>e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy</p>	
---	--	--	--

	<p>được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài</p> <p>b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do chính cơ sở đào tạo cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng.</p> <p>tuyển</p>		<p>ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học</p>	
--	---	--	--	--

10. Hướng dẫn thực hiện chương trình

10.1. Hướng dẫn sử dụng chương trình đào tạo

- Thời gian khóa học được tính theo năm học, học kỳ, và theo tuần;
- Thời gian khóa học theo tích lũy tín chỉ là thời gian người học tích lũy đủ số lượng tín chỉ quy định cho CTĐT;
- Thời gian học tập được tính theo giờ và quy ra đơn vị tín chỉ, cụ thể như sau:
 - ① Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;
 - ② Đối với hoạt động dạy học trên lớp (kể cả lớp học trực tuyến), một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận.
 - ③ Đối với hoạt động hướng dẫn đồ án/đề án/dự án, tiểu luận, bài tập lớn, thực tập 1 tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 50 giờ hướng dẫn.
 - ④ Một giờ tín chỉ được tính bằng 50 phút học tập.

10.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Học tập nội quy, quy chế cho học viên khi mới nhập trường;
- Tổ chức tham quan, thực nghiệm tại các cơ sở;
- Tham gia các hoạt động hỗ trợ khác;

10.3. Hướng dẫn đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ

- Đánh giá thường xuyên do giảng viên giảng dạy học phần thực hiện được quy định trong đề cương chi tiết học phần thông qua việc kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 50 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác;

- Hình thức đánh giá kết thúc học phần có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp các hình thức trên. Thời gian làm bài thi viết từ 60-120 phút, thời gian làm bài thi đối với các hình thức thi khác do hiệu trưởng quyết định;

- Lịch thi phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 3 ngày;

- Danh sách học viên đủ điều kiện dự thi, không đủ điều kiện dự thi có nêu rõ lý do phải được thông báo công khai trước ngày thi ít nhất 2 ngày.

10.4. Quy định thời gian có mặt trên lớp và tổ chức đánh giá cuối kỳ

a) Quy định thời gian có mặt trên lớp

Thực hiện theo Quy định đào tạo thạc sĩ hiện hành tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

b) Tổ chức đánh giá

- Kỳ thi kết thúc học phần được công bố trong kế hoạch đào tạo theo các học kỳ.

- Học viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng sẽ nhận điểm 0 là điểm thi kết thúc học phần.

- Học viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính, nếu được Giám đốc trung tâm Đào tạo sau đại học cho phép, được dự thi ở kỳ thi bổ sung. Thời gian tổ chức đợt thi bổ sung do Trung tâm Đào tạo sau đại học quy định nhưng phải đảm bảo hoàn thành kết quả thi đợt bổ sung trước khi bảo vệ đề án/đề án/dự án tốt nghiệp. Học viên không tham dự kỳ thi bổ sung sẽ nhận điểm 0 là điểm thi kết thúc học phần.

Đề thi, hình thức đánh giá, tổ chức đánh giá, cách tính điểm đánh giá thực hiện theo Quy chế đào tạo thạc sĩ hiện hành tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, trong đề cương chi tiết học phần.

10.5. Điều kiện tốt nghiệp

a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án tốt nghiệp điểm đạt từ 5,5 trở lên;

b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Phụ lục) hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Đã nộp đề án tốt nghiệp được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của chủ tịch hội đồng hoặc thành viên hội đồng được chủ tịch hội đồng ủy quyền về việc đề án tốt nghiệp đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá đề án tốt nghiệp và nhận xét của các phản biện, nộp đề án tốt nghiệp cho nhà trường để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ;

d) Đã công bố công khai toàn văn đề án/đồ án tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của nhà trường;

e) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập và không vi phạm thời gian đào tạo cho phép.

11. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện CTĐT

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)	Ghi chú
1	Cầm Tú Tài, 1973, Trưởng khoa	PGS, 2013	Tiến sĩ - Trung Quốc - 2008; PGS - 2013	Ngôn ngữ học và Ngôn ngữ học ứng dụng (tiếng Trung Quốc)	2009, Trường Đại học Ngoại ngữ-ĐHQGHN	06 Đề tài 40 Bài báo	
2	Đinh Bích Thảo, 1987, Giám đốc TT Khảo thí và ĐBCL		Tiến sĩ - Trung Quốc- 2015	Ngôn ngữ học và Ngôn ngữ học ứng dụng (tiếng Trung Quốc)	2019, ĐH Công nghiệp HN	09 Bài báo	
3	Nguyễn Thu Trà, 1981		Tiến sĩ - Trung Quốc - 2013	Ngôn ngữ học và Ngôn ngữ học ứng dụng (tiếng Trung Quốc)	2019, ĐH Công nghiệp HN	04 bài báo	

4	Nguyễn Thị Lê, 1977		Tiến sĩ - Trung Quốc - 2016	Ngôn ngữ học và Ngôn ngữ học ứng dụng (tiếng Trung Quốc)	2019, ĐH Công nghiệp HN	05 bài báo	
5	Phan Huy Hoàng, 1979		Tiến sĩ - Trung Quốc - 2015	Văn học đương đại	2019, ĐH Công nghiệp HN	03 bài báo	

12. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần / môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
I	Phòng học	10	75 m²	Các học phần có trong chương trình đào tạo	Các năm học của khóa học	
1	Hệ thống âm thanh, tăng âm, loa	10				
2	Máy chiếu	10				
II	Phòng học Ngoại ngữ	5	50m²	Các học phần thực hành tiếng, lí thuyết tiếng và Ngoại ngữ	Các năm học của khóa học	
1	Hệ thống âm thanh	5				
2	Máy chiếu/Màn hình Ti Vi	5				

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần / môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
III	Phòng ghi âm, ghi hình (Studio)	01	20m²	Phục vụ xây dựng, biên soạn chương trình các môn học		
1	Máy tính	01				
2	Hệ thống âm thanh, loa	01				
3	Hệ thống ghi âm	01				
4	Máy ghi âm	20				
5	Máy ghi hình	01				
6	Máy photocopy	01				
IV	Phòng hội thảo	02	60m²	Phục vụ Hội thảo, bảo vệ luận văn/ đề án tốt nghiệp	Các năm học của khóa học	
1	Máy chiếu	02				
2	Hệ thống loa mic phòng hội thảo	02				
V	Phòng bảo vệ luận văn/luận án	03	60m²	Bảo vệ đề cương, Đề án tốt nghiệp	Năm thứ hai	
1	Máy chiếu	03				
2	Hệ thống loa, mic	03				
VI	Phòng máy tính học ngoại ngữ	02		Tất cả các học phần trong chương trình	Các năm học của khóa học	

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần / môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Máy tính (kết nối Internet), tai nghe, mic ghi âm	40				
2	Máy chiếu/ màn hình Ti Vi	02				
VII	Phòng Lab học ngoại ngữ	02		Phục vụ tra cứu, SHCM, soạn tài liệu giảng dạy cho các môn học	Các năm học của khóa học	
1	Máy tính (kết nối Internet), tai nghe, mic ghi âm	30				
2	Máy chiếu/ màn hình Ti Vi	02				
3	Máy tính	50		Các môn học trong chương trình		
4	Máy chiếu	02		Các môn học trong chương trình		
5	Thiết bị ghi hình	10		Các môn học trong chương trình		
6	Thiết bị ghi âm	50		Các môn học trong chương trình		
7	Thiết bị loa, mic trợ giảng	50		Các môn học trong chương trình		
8	Loa, tăng âm, mic tại phòng học	50		Các môn học trong chương trình		
VIII	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	05	240	-Hướng dẫn đề án tốt nghiệp		

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần / môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
IX	Thư viện, trung tâm học liệu	03	6000	Các môn học trong chương trình và hướng dẫn đề án tốt nghiệp		

12. Học liệu

STT	Tên học liệu	Tên học phần sử dụng học liệu
1	周红, (2018), 汉语研究方法导引, 上海教育出版社	Phương pháp nghiên cứu khoa học
2	赵艳芳, (2000), 认知语言学概论, 外语教育出版社	Ngôn ngữ học tri nhận tiếng Trung Quốc
	合作编写, (2000), 越南跨文化交际概论河内国家大学出版社	Giao tiếp liên văn hóa (Trung Quốc)
4	陈新仁, (2017), 汉语语用学教程, 暨南大学出版社	Ngữ dụng học tiếng Trung Quốc
5	王顺洪, (2017), 中国概况, 北京语言大学出版社	Đất nước học Trung Quốc
6	Phan Ngọc - Phạm Đức Dương, (2017), Tiếp xúc ngôn ngữ ở Đông Nam Á, NXB Từ điển bách khoa	Tiếp xúc ngôn ngữ và tiếp xúc song ngữ Trung - Việt
7	戴昭铭, (2017), 文化语言学导论, 语文出版社	Nghiên cứu ngôn ngữ học liên ngành tiếng Trung Quốc
8	黄国文, (2018), 语篇分析的理论与实践, 上海外语教育出版社	Văn bản học tiếng Trung Quốc
9	朱栋霖、吴义勤、朱晓进主编, (2018), 中国现代文学史 (1915-2016), 北京大学出版社	Văn học Trung Quốc
10	萨皮尔 (Sapir, Edward) 语言论, (2017), 北京: 商务印书馆	Dẫn luận ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc
11	齐沪扬、陈昌来, (2017), 应用语言学纲要 第3版 中国人民大学出版社	Ngôn ngữ học ứng dụng

12	杨向东 等, (2020), 融于教学的形成性评价 原著第 2 版 实用技术提升教师教学水平提高学生学习成就课堂教学配套教辅资料官网	Kiểm tra - đánh giá trình độ tiếng Trung Quốc
13	肖莉, (2018), 汉语国际传播:教学法研究与教学案例分析, 中国戏剧出版社	Ngôn ngữ truyền thông tiếng Trung Quốc
14	林焘、王理嘉, (2021) 语音学教程 (增订版), 北京大学出版社	Ngữ âm học tiếng Trung Quốc
15	刘月华, 潘文娣, 故鞲, (2022)实用现代汉语语法, 商务印书馆	Ngữ pháp học tiếng Trung Quốc
16	贺佳, (2021) 对外汉语教学理论研究, 工业大学出版社	Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Trung Quốc
17	徐余龙, (2017), 对比语言学概论, 上海外语教育出版社	Ngôn ngữ học đối chiếu và đối chiếu song ngữ Trung - Việt
18	许钧穆雷, (2021), 翻译学概论, 译林出版社出版	Lý Thuyết dịch tiếng Trung Quốc
19	贾彦德, (2020), 汉语语义学北京大学出版社	Ngữ nghĩa học tiếng Trung Quốc
20	许进雄, (2020), 简明中国文字学, 中华书局	Văn tự học tiếng Trung Quốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Trần Đức Quý

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG NGOẠI NGỮ DU LỊCH

TS. Hoàng Ngọc Tuệ